

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HS-ST
Ngày: 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Minh Tâm
2. Ông Lê Văn Mút

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2434/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Dư Thị Thu T, sinh năm 1984 tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: không. Nơi cư trú: 131/4 ấp VN, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Dư Văn T (sống) và bà Lê Thị Đ (sống); bị cáo có chồng là Phạm Văn S, sinh năm 1987; bị cáo có một người con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 37 ngày 01/10/2018 của Công an huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Bị hại: Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1982, Nơi cư trú: 55/1 ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Văn S, sinh năm 1987, Nơi cư trú: 131/4 ấp VN, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Người làm chứng: Lê Thị Đ, sinh năm 1962, Nơi cư trú: 56/2 ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 27 tháng 8 năm 2018, Dư Thị Thu T điều khiển xe mô tô đến nhà chị Trần Thị Ngọc G (sinh năm 1982), tại ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre để mua lúa. Khi vào nhà T nhìn thấy chị G đang nằm võng, T gọi chị G nhưng chị G không trả lời nên biết chị G đã ngủ. Lúc này, phát hiện trên ghế có để 01 túi xộp màu hồng và có tiền bên trong nên T nảy sinh ý định lấy trộm tiền để tiêu xài. T liền lén lút lấy túi xộp nêu trên rồi điều khiển xe đi về. Khi đến khu vực bãi đất trống thuộc ấp H, xã Đ, huyện P, T dừng xe lại và kiểm tra bên trong túi xộp thì thấy một xấp tiền có nhiều loại mệnh giá 10.000đồng, 20.000đồng... nhưng không kiểm đếm; 01 túi xách bằng da có quai mang màu xanh có chữ GUCCI-G, bên trong túi xách da có 01 bóp da nhỏ màu xám và 01 bóp da nhỏ màu xanh đen (loại bóp cầm tay của nữ). T tiếp tục kiểm tra thì phát hiện bên trong bóp da nhỏ màu xanh đen có 01 sợi dây chuyền cùng mặt mè dây màu vàng, 03 tờ tiền đô la và nhiều tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đồng, 200.000đồng, 100.000đồng nhưng T không kiểm đếm. T liền lấy hết tiền và dây chuyền bỏ vào túi quần, riêng mặt mè dây bị rớt tại bãi đất trống nhưng do sợ bị phát hiện nên T không nhặt lấy và vứt bỏ túi xách, bóp da tại đây rồi tiếp tục đi về nhà. Sau đó, T đến nhà bà Lê Thị Đ (là mẹ ruột của T), lấy số tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000đồng, 100.000đồng cất giấu dưới nệm ngủ của bà Đ nhưng không nói cho bà Đ biết rồi quay trở về nhà của mình ở ấp VN, xã Đ. T lấy sợi dây chuyền bằng vàng gói vào trong tờ giấy và cất giấu trên kệ bàn học sinh tại nhà. Riêng số tiền mệnh giá nhỏ T để chung với tiền của T và lấy tiêu xài cá nhân khoảng 40.000 đồng.

Sau khi phát hiện mất tài sản, chị Trần Thị Ngọc G đến Công an xã Đ trình báo sự việc. Qua kiểm tra camera an ninh tại khu vực trên phát hiện vào thời điểm nêu trên có Dư Thị Thu T là người đã đi vào nhà của chị G nên cơ quan Công an tiến hành mời T đến làm việc. Qua điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; đồng thời chỉ chỗ cất giấu và vứt bỏ số tài sản đã lấy trộm để cơ quan Công an tiến hành thu giữ.

Vật chứng của vụ án được thu giữ gồm:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 33cm.
- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình chữ nhật, kích cỡ 1,6cm x 1,15cm, mặt trước có chữ ĐHT-2212.AP, mặt sau có chữ số 18K, 70%.
- 12.010.000đồng (mười hai triệu không trăm mười nghìn đồng) tiền Việt Nam.
- 01 tờ tiền có số 20 HONGKONG DOLLARS, TWENTY.
- 01 tờ tiền có đặc điểm 10, TEN HONGKONG DOLLARS.
- 01 tờ tiền có đặc điểm 2 TWO DOLLARS, UNITED STATES OF AMERICA.
- 01 túi xộp mũ màu hồng.

- 01 túi xách da màu xanh có quai mang, phía ngoài có chữ GUCCI-G.
- 01 bóp da nhỏ màu xám, phía ngoài có in nhiều chữ G.
- 01 bóp da nhỏ màu xanh đen.
- 01 USB 2.0GB hiệu DATO, màu hồng, bên trong có chứa thư mục NVR.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú Quyết định trưng cầu giám định để xác định thành phần, chất lượng, hàm lượng, trọng lượng của 01 sợi dây chuyền cùng mặt mề đay bằng kim loại màu vàng tại Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Thông báo kết quả giám định số 0403/N1.18/TĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 thông báo kết quả giám định như sau:

- Sợi dây chuyền bằng hợp kim vàng có phần dây 15k, phần khoen nổi 16k và phần khóa là 15k, có khối lượng 2,8075g.
- Mặt dây chuyền bằng hợp kim vàng có phần mặt là 11k, phần khoen nổi 10k và phần móc nổi là 15k, có khối lượng 1,1942g.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 55/KL-HĐĐG ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thạnh Phú xác định:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng dài 33cm, khối lượng 2,8075g có phần mặt là 11k, phần khoen nổi 10k và phần móc nổi là 15k có giá trị là 1.834.315đồng (một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm mười lăm đồng).
- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại vàng dạng hình chữ nhật, kích cỡ 1,6cm x 1,15cm, mặt trước có chữ ĐHT-2212, khối lượng 1,1942g, có phần mặt là 11k, phần khoen nổi 10k và phần móc nổi là 15k có giá trị là 637.000đ (sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản định giá là 2.471.315 đồng (hai triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú yêu cầu định giá đối với các tài sản gồm: 01 tờ tiền có số 20 HONGKONG DOLLARS, TWENTY; 01 tờ tiền có đặc điểm 10, TEN HONGKONG DOLLARS; 01 tờ tiền có đặc điểm 2 TWO DOLLARS, UNITED STATES OF AMERICA; 01 túi xóp mũ màu hồng; 01 túi xách da màu xanh có quai mang, phía ngoài có chữ GUCCI-G; 01 bóp da nhỏ màu xám, phía ngoài có in nhiều chữ G; 01 bóp da nhỏ màu xanh đen.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 49/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản huyện Thạnh Phú ngày 24 tháng 9 năm 2018 kết luận:

- 02 TWO DOLLARS, UNITED STATES OF AMERICA có giá trị là 46.670 đồng.
- 01 tờ tiền có đặc điểm 10, TEN HONGKONG DOLLARS có giá trị là 29.904 đồng.

- 01 tờ tiền có số 20 HONGKONG DOLLARS, TWENTY có giá trị 59.808 đồng.

Tổng giá trị tài sản có giá trị là: 136.382 đồng (một trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi hai đồng).

Đối với 01 túi xộp mũ màu hồng; 01 túi xách da màu xanh có quai mang, phía ngoài có chữ GUCCI-G; 01 bóp da nhỏ màu xám, phía ngoài có in nhiều chữ G; 01 bóp da nhỏ màu xanh đen là những loại hàng hóa rẻ tiền, mau hỏng không tính hao mòn theo quy định nên không có cơ sở xác định được tỷ lệ còn lại của tài sản. Vì vậy, Hội đồng định giá thống nhất không xác định giá trị tài sản nêu trên.

Trong quá trình điều tra, bị hại Trần Thị Ngọc G trình bày: Ngoài những tài sản khác bị mất trộm thì số tiền để trong túi xộp mũ màu hồng bị mất trộm là khoảng 16.000.000đồng (mười sáu triệu đồng) nhưng không đủ chứng cứ để chứng minh. Tại Cơ quan điều tra Dư Thị Thu T khai nhận: Sau khi lấy trộm được tiền T không kiểm đếm, chỉ đem số tiền mệnh giá nhỏ để chung với tiền của mình và lấy tiêu xài cá nhân khoảng 40.000 đồng. T đã tự nguyện giao nộp số tiền còn lại sau khi tiêu xài cá nhân là 372.000đồng (ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Vào ngày 15 tháng 10 năm 2018, T đã tự nguyện giao nộp thêm số tiền 3.618.000đồng (ba triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng) để bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại Trần Thị Ngọc G.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú đã trao trả tài sản là vật chứng đã thu giữ cho bị hại Trần Thị Ngọc G theo Quyết định xử lý vật chứng số: 14 ngày 25 tháng 10 năm 2018, bao gồm: 01 túi xộp mũ màu hồng; 01 túi xách da màu xanh có quai mang, phía ngoài có chữ GUCCI-G; 01 bóp da nhỏ màu xám, phía ngoài có in nhiều chữ G; 01 bóp da nhỏ màu xanh đen; 01 tờ tiền có số 20 HONGKONG DOLLARS, TWENTY; 01 tờ tiền có đặc điểm 10, TEN HONGKONG DOLLARS; 01 tờ tiền có đặc điểm 2 TWO DOLLARS, UNITED STATES OF AMERICA; 12.382.000đồng (mười hai triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền Việt Nam và số tiền 3.618.000đồng (ba triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng) do T tự nguyện giao nộp để bồi thường cho bị hại; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng dài 33cm và 01 mặt dây chuyền bằng kim loại vàng dạng hình chữ nhật, kích cỡ 1,6 cm x 1,15 cm, mặt trước có chữ ĐHT-2212.AP. Sau khi nhận lại tài sản, bị hại không yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS, ngày 09-11-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú đã truy tố bị cáo Dư Thị Thu T về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Dư Thị Thu T từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày 26-11-2018.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: do bị cáo T không có thu nhập ổn định nên thấy rằng nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo cũng không có khả năng thi hành nên đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị Ngọc G đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với bà Lê Thị Đ do không biết rõ việc bị cáo Dư Thị Thu T đem tài sản do phạm tội mà có cất giấu tại chỗ ở của mình nên không xem xét xử lý.

Đối với xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-183.26 do anh Phạm Văn S đứng tên đăng ký nhưng anh S không biết bị cáo Dư Thị Thu T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên không xem xét xử lý.

Bị cáo Dư Thị Thu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát nên không có ý kiến tranh luận gì.

Bị hại Trần Thị Ngọc G đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, về trách nhiệm hình sự yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Dư Thị Thu T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn S trình bày xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-183.26 do anh đang đứng tên đăng ký là tài sản chung của vợ chồng anh nhưng anh không biết việc bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội, hiện nay xe anh vẫn đang sử dụng nên anh không có yêu cầu gì.

Bị cáo nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Dư Thị Thu T thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: với động cơ tư lợi cá nhân nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre, Dư Thị Thu T đã lén lút chiếm đoạt 12.382.000 đồng (mười hai triệu không trăm mười nghìn đồng) tiền Việt Nam; 01 sợi dây chuyền bằng vàng có giá trị 1.834.315 đồng (một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm mười lăm đồng) và

01 mặt dây chuyền bằng vàng có giá trị là 637.000đồng (sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng); 01 tờ tiền 20 HONGKONG DOLLARS, TWENTY có giá trị 59.808 đồng; 01 tờ tiền 10 TEN HONGKONG DOLLARS có giá trị 29.904 đồng; 01 tờ tiền 2 TWO DOLLARS, UNITED STATES OF AMERICA có giá trị 46.670 đồng của chị Trần Thị Ngọc G. Tài sản chiếm đoạt có tổng giá trị là 14.989.697đồng (mười bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng) nên bản Cáo trạng số 26/CT-VKS, ngày 09-11-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú truy tố bị cáo Dư Thị Thu T về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Dư Thị Thu T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại Trần Thị Ngọc G. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dư Thị Thu T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Dư Thị Thu T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị hại Trần Thị Ngọc G có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Dư Thị Thu T là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, nhưng để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo đồng thời giao bị cáo cho gia đình và Ủy ban

nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong suốt thời gian chấp hành thử thách theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: do bị cáo T không có thu nhập ổn định nên thấy rằng nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo cũng không có khả năng thi hành nên đề nghị không áp dụng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Thị Ngọc G đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[10] Đối với xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-183.26 do anh Phạm Văn S đứng tên chủ sở hữu nhưng anh S không biết việc bị cáo Dư Thị Thu T sử dụng xe vào việc phạm tội nên không xem xét xử lý.

[11] Đối với bà Lê Thị Đ do không biết rõ việc bị cáo Dư Thị Thu T đem tài sản do phạm tội mà có cất giấu tại chỗ ở của mình nên không xem xét xử lý.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Dư Thị Thu T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Dư Thị Thu T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26-11-2018.

Giao bị cáo Dư Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục bị cáo trong suốt thời gian thử thách. Trường hợp trong thời gian thử thách nếu bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Thị Ngọc G đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án bị cáo Dư Thị Thu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh